

# Bài tập mạo từ cơ bản

## Bài 1: Chọn đáp án đúng trong các câu sau

1. It takes me \_\_\_ hour to finish this task.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
2. She is \_\_\_ honest person.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
3. I saw \_\_\_ one-eyed cat in the garden.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
4. He bought \_\_\_ umbrella yesterday.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
5. She wants to be \_\_\_ engineer.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
6. I need \_\_\_ university degree to apply.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
7. We watched \_\_\_ movie last night.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
8. \_\_\_ sun rises in the east.  
A. A    B. An    C. The    D. Ø
9. He is \_\_\_ best student in class.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
10. She gave me \_\_\_ useful advice.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
11. I saw \_\_\_ European tourist.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
12. He has \_\_\_ MBA degree.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
13. This is \_\_\_ unique opportunity.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø
14. I need \_\_\_ apple.  
A. a    B. an    C. the    D. Ø

15. She bought \_\_\_ dress and \_\_\_ shoes.  
 A. a/a    B. an/an    C. the/the    D.  $\emptyset/\emptyset$
16. He plays \_\_\_ guitar very well.  
 A. a    B. an    C. the    D.  $\emptyset$
17. I go to school by \_\_\_ bus.  
 A. a    B. an    C. the    D.  $\emptyset$
18. She is \_\_\_ tallest girl here.  
 A. a    B. an    C. the    D.  $\emptyset$
19. We stayed at \_\_\_ hotel near airport.  
 A. a    B. an    C. the    D.  $\emptyset$
20. \_\_\_ water is important for life.  
 A. A    B. An    C. The    D.  $\emptyset$

**Đáp án**

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	11	A
2	B	12	B
3	A	13	A
4	B	14	B
5	B	15	A
6	A	16	C
7	A	17	D
8	C	18	C
9	C	19	A
10	D	20	D

## Bài 2: Điền a, an, the hoặc Ø vào các câu sau

1. I saw \_\_\_ elephant yesterday.
2. She bought \_\_\_ umbrella.
3. He is \_\_\_ honest man.
4. I want \_\_\_ apple.
5. She is \_\_\_ best student.
6. \_\_\_ sun is shining.
7. I have \_\_\_ dog.
8. He is \_\_\_ engineer.
9. She studies \_\_\_ English.
10. We go to \_\_\_ school every day.
11. He plays \_\_\_ piano.
12. I drank \_\_\_ glass of milk.
13. She wore \_\_\_ uniform.
14. It took me \_\_\_ hour.
15. He gave me \_\_\_ useful tip.
16. I saw \_\_\_ owl.
17. She is \_\_\_ university student.
18. \_\_\_ Earth moves around the Sun.
19. I need \_\_\_ pen.
20. She bought \_\_\_ orange.

## Đáp án

1. an
2. an
3. an
4. an
5. the
6. the
7. a
8. an
9. Ø
10. Ø
11. the
12. a
13. a
14. an
15. a
16. an
17. a
18. the
19. a
20. an

### Bài 3: Chọn đáp án đúng dựa vào ngữ cảnh

1. He goes to \_\_\_ school every day. (học sinh)  
A. the B. Ø
2. I went to \_\_\_ school to meet teacher.  
A. the B. Ø
3. She is in \_\_\_ hospital (đang điều trị).  
A. the B. Ø
4. I went to \_\_\_ hospital to visit her.  
A. the B. Ø
5. He is in \_\_\_ prison.  
A. the B. Ø
6. The lawyer went to \_\_\_ prison.  
A. the B. Ø
7. She goes to \_\_\_ bed early.  
A. the B. Ø
8. Sit on \_\_\_ bed.  
A. the B. Ø
9. He is at \_\_\_ work now.  
A. the B. Ø
10. I left my bag at \_\_\_ home.  
A. the B. Ø
11. We had \_\_\_ dinner at 7.  
A. the B. Ø
12. It was \_\_\_ best dinner ever.  
A. the B. Ø

13. She plays \_\_\_ violin.

A. the B. Ø

14. He plays \_\_\_ football.

A. the B. Ø

15. I go to \_\_\_ church on Sundays.

A. the B. Ø

16. We visited \_\_\_ church yesterday.

A. the B. Ø

17. She studies at \_\_\_ university.

A. a B. the

18. He is \_\_\_ doctor.

A. a B. the

19. She is \_\_\_ only child.

A. a B. the

20. \_\_\_ rich should help the poor.

A. A B. The

**Đáp án**

1.B	2.A	3.B	4.A	5.B	6.A	7B	8.A	9.B	10.B
11.B	12.A	13.A	14.B	15.B	16.A	17.A	18.A	19.B	20.B

## Bài 4: Hoàn chỉnh các câu sau với mạo từ thích hợp

1. Don't tell \_\_\_ lie.
2. Tell \_\_\_ truth.
3. I am in \_\_\_ hurry.
4. She has \_\_\_ headache.
5. It is \_\_\_ pity.
6. He works as \_\_\_ teacher.
7. I need \_\_\_ answer.
8. She is \_\_\_ most beautiful girl.
9. This is \_\_\_ first time.
10. He bought \_\_\_ car.
11. \_\_\_ moon is bright.
12. I saw \_\_\_ bird.
13. He has \_\_\_ orange cat.
14. We stayed at \_\_\_ hotel.
15. I want \_\_\_ sandwich.
16. She gave me \_\_\_ gift.
17. He is \_\_\_ honest leader.
18. I need \_\_\_ hour.
19. She is \_\_\_ artist.
20. \_\_\_ life is beautiful.

## Đáp án

1. a
2. the
3. a
4. a
5. a
6. a
7. an
8. the
9. the
10. a
11. the
12. a
13. an
14. a
15. a
16. a
17. an
18. an
19. an
20. Ø

## Bài 5: Hoàn thành đoạn văn với các mạo từ phù hợp, không có mạo từ thì điền Ø

Last weekend, I had (1)\_\_\_ unforgettable day. In (2)\_\_\_ morning, I decided to visit (3)\_\_\_ small café near my house. I usually don't drink (4)\_\_\_ coffee, but that day I really wanted to try something new.

When I arrived, I saw (5)\_\_\_ beautiful decorations and (6)\_\_\_ soft music in the background. There was (7)\_\_\_ young man playing (8)\_\_\_ guitar. I sat near (9)\_\_\_ window and enjoyed (10)\_\_\_ peaceful atmosphere.

I ordered (11)\_\_\_ cup of coffee and (12)\_\_\_ cake. I don't usually eat (13)\_\_\_ cake, but this one looked delicious. While I was sitting there, I met (14)\_\_\_ old friend. We talked about (15)\_\_\_ life and (16)\_\_\_ work for hours.

After that, we went for (17)\_\_\_ walk in (18)\_\_\_ park. We both love (19)\_\_\_ nature and fresh air. At the end of (20)\_\_\_ day, I felt really happy.

### Đáp án

1. an
2. the
3. a
4. Ø
5. Ø
6. Ø
7. a
8. the
9. the
10. the
11. a
12. a
13. Ø
14. an
15. Ø

16. Ø
17. a
18. the
19. Ø
20. the

## **Bài 6: Tìm từ dùng sai trong câu và sửa lại**

1. Anna bought a bread yesterday.
2. Minh is the best student in a class.
3. David gave me an advice.
4. Lisa has a homework to finish.
5. Kevin likes the music very much.
6. Emily is a honest person.
7. Tom needs a information about this job.
8. Sarah plays a piano very well.
9. Jack saw a sun this morning.
10. Olivia is the doctor.
11. Henry has a long hair.
12. Chloe went to the school yesterday.
13. Lucas is a tallest boy in his team.
14. Mia loves the nature.
15. Noah gave Emma a good news.
16. Ethan is at the home now.
17. Sophia needs the money to travel.
18. Daniel is an university student.
19. Ava drank a water after gym.

20. Ryan plays the football every weekend.

**Đáp án**

1. a bread → bread (không đếm được)
2. a class → the class (xác định)
3. an advice → advice
4. a homework → homework
5. the music → music (nói chung)
6. a honest → an honest (âm /h/ câm)
7. a information → information
8. a piano → the piano
9. a sun → the sun
10. the doctor → a doctor (lần đầu nhắc)
11. a long hair → long hair
12. the school → school
13. a tallest → the tallest
14. the nature → nature
15. a good news → good news
16. at the home → at home
17. the money → money
18. an university → a university (/ju:/)
19. a water → water
20. the football → football

## Bài 7: Viết lại câu (paraphrase) có dùng mạo từ

1. Mai bought a dress. The dress is very elegant.
2. Nam saw a movie. The movie was extremely boring.
3. Trang met a man. The man works for an international company.
4. Minh found a solution. The solution was very effective.
5. Lan visited a place. The place is famous for its beaches.
6. An read a book. The book talks about modern technology.
7. The company introduced a product. The product is environmentally friendly.
8. Phuong attended a workshop. The workshop focused on leadership skills.
9. They built a house. The house is located in a quiet area.
10. Hung discovered a method. The method can improve productivity.
11. The teacher explained a lesson. The lesson was quite complicated.
12. My brother bought a car. The car runs very fast.
13. The team developed a strategy. The strategy helped them win the competition.
14. She wrote an article. The article attracted a lot of attention.
15. We visited a restaurant. The restaurant serves traditional food.
16. The scientist conducted an experiment. The experiment was successful.
17. He made a decision. The decision changed his life.
18. They organized an event. The event raised funds for charity.
19. I saw a painting. The painting was created by a famous artist.
20. She bought a bag. The bag is made of leather.

### Đáp án

1. Mai bought an elegant dress.
2. Nam saw an extremely boring movie.
3. Trang met a man who works for an international company.

4. Minh found an effective solution.
5. Lan visited a place famous for its beaches.
6. An read a book about modern technology.
7. The company introduced an environmentally friendly product.
8. Phuong attended a workshop focusing on leadership skills.
9. They built a house located in a quiet area.
10. Hung discovered a method to improve productivity.
11. The teacher explained a quite complicated lesson.
12. My brother bought a fast car.
13. The team developed a strategy that helped them win the competition.
14. She wrote an article that attracted a lot of attention.
15. We visited a restaurant that serves traditional food.
16. The scientist conducted a successful experiment.
17. He made a life-changing decision.
18. They organized an event that raised funds for charity.
19. I saw a painting created by a famous artist.
20. She bought a leather bag.

## **Bài 8: Dịch nội dung sang tiếng Anh (sử dụng mạo từ)**

1. Hôm qua, Lan đã mua một chiếc váy rất đẹp ở một cửa hàng nổi tiếng trong thành phố.
2. Minh đang tìm một công việc có thể giúp cậu ấy học hỏi thêm kinh nghiệm.
3. Gia đình của An đã đi du lịch đến một hòn đảo nhỏ ở miền Trung vào mùa hè năm ngoái.
4. Tôi vừa gặp một người bạn cũ tại một quán cà phê gần trường đại học.
5. Cô giáo đã đưa cho chúng tôi một lời khuyên rất hữu ích về việc học tiếng Anh.
6. Họ đang xây dựng một cây cầu mới bắc qua con sông lớn trong khu vực này.
7. Nam muốn trở thành một bác sĩ trong tương lai để giúp đỡ nhiều người hơn.

8. Chúng tôi đã có một cuộc trò chuyện thú vị về cuộc sống và công việc.
9. Cô ấy đã đọc một cuốn sách mà tôi giới thiệu cho cô ấy tuần trước.
10. Họ đang tìm một căn hộ có view đẹp nhìn ra biển.
11. Tôi cần một thông tin quan trọng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.
12. Anh ấy đã mua một chiếc xe hơi mới sau nhiều năm tiết kiệm tiền.
13. Chúng tôi đã tham gia một sự kiện lớn được tổ chức tại trung tâm thành phố.
14. Cô ấy muốn trở thành một người có ảnh hưởng trong lĩnh vực thời trang.
15. Tôi đã xem một bộ phim rất hay tại một rạp chiếu phim mới mở.
16. Họ đã đưa ra một giải pháp hiệu quả cho vấn đề này.
17. Anh ấy đã có một trải nghiệm đáng nhớ trong chuyến đi đó.
18. Chúng tôi đang lên kế hoạch cho một chuyến du lịch dài ngày vào mùa đông.
19. Cô ấy đã nhận được một email từ một công ty quốc tế.

### **Đáp án**

1. Yesterday, Lan bought a very beautiful dress at a famous shop in the city.
2. Minh is looking for a job that can help him gain more experience.
3. An's family traveled to a small island in Central Vietnam last summer.
4. I met an old friend at a café near the university.
5. The teacher gave us a very useful piece of advice.
6. They are building a new bridge over the large river in this area.
7. Nam wants to become a doctor in the future.
8. We had an interesting conversation about life and work.
9. She read a book that I recommended to her last week.
10. They are looking for an apartment with a beautiful sea view.
11. I need important information before making the final decision.
12. He bought a new car after many years of saving money.

13. We joined a big event held in the city center.
14. She wants to become an influencer in the fashion industry.
15. I watched a very good movie at a newly opened cinema.
16. They came up with an effective solution to the problem.
17. He had a memorable experience during that trip.
18. We are planning a long trip in the winter.
19. She received an email from an international company.
20. I had a great opportunity to work with a professional team.

## **Bài 9: Sắp xếp câu hoàn chỉnh với mạo từ phù hợp**

1. attended / Lan / conference / important / an / about / technology / last / week / the
2. bought / Minh / laptop / new / a / store / electronics / large / at
3. visited / family / Trang / museum / famous / a / city / in / the / yesterday
4. gave / manager / team / solution / effective / an / problem / the / to
5. met / Nam / expert / an / field / marketing / the / in / event / at / an
6. reading / she / book / interesting / an / about / history / modern
7. found / they / apartment / an / area / quiet / in / city / the
8. received / An / offer / attractive / an / company / international / from
9. watched / we / documentary / a / about / environment / the / last / night
10. had / Minh / experience / unforgettable / an / trip / during / the
11. opened / they / restaurant / new / a / street / busy / on
12. wrote / teacher / article / an / education / about / modern / the
13. developed / company / solution / innovative / an / problem / serious / a / for
14. took / Trang / photo / beautiful / a / beach / at / the / sunrise
15. discussed / they / idea / interesting / an / meeting / during / the
16. joined / Nam / program / training / a / company / big / in / a

17. made / she / decision / important / an / after / discussion / long / a
18. discovered / scientists / method / new / a / disease / the / treat / to
19. bought / they / house / large / a / suburb / quiet / in / the
20. gave / speaker / presentation / impressive / an / audience / the / to

### **Đáp án**

1. Lan attended an important conference about technology last week.
2. Minh bought a new laptop at a large electronics store.
3. Trang's family visited a famous museum in the city yesterday.
4. The manager gave the team an effective solution to the problem.
5. Nam met an expert in the field of marketing at an event.
6. She is reading an interesting book about modern history.
7. They found an apartment in a quiet area of the city.
8. An received an attractive offer from an international company.
9. We watched a documentary about the environment last night.
10. Minh had an unforgettable experience during the trip.
11. They opened a new restaurant on a busy street.
12. The teacher wrote an article about modern education.
13. The company developed an innovative solution for a serious problem.
14. Trang took a beautiful photo at the beach at sunrise.
15. They discussed an interesting idea during the meeting.
16. Nam joined a training program in a big company.
17. She made an important decision after a long discussion.
18. Scientists discovered a new method to treat the disease.
19. They bought a large house in the quiet suburb.
20. The speaker gave an impressive presentation to the audience.

## Bài 10: Bài tập tình huống với mạo từ

1. Bạn lần đầu tiên thấy một quán cà phê mới gần nhà và muốn kể với bạn.
2. Bạn quay lại quán đó lần thứ hai và nhắc lại với bạn mình về quán cà phê đó.
3. Bạn muốn nói về mặt trời mọc mỗi ngày.
4. Bạn mua một chiếc váy và mô tả nó rất đẹp.
5. Bạn và bạn mình đều biết cái bàn trong phòng, bạn nhờ bạn ấy đưa giúp.
6. Bạn nói chung về mèo (không phải con cụ thể).
7. Bạn kể về một bộ phim bạn vừa xem lần đầu.
8. Sau đó bạn nói thêm về chính bộ phim đó.
9. Bạn nói về một thành phố nổi tiếng mà ai cũng biết.
10. Bạn muốn nói về nước (water) nói chung.
11. Bạn mô tả một người bạn chưa xác định (lần đầu nhắc).
12. Sau đó bạn nói rõ hơn về người bạn đó.
13. Bạn nói về một cuốn sách bất kỳ trong thư viện.
14. Bạn nói về cuốn sách cụ thể mà cả bạn và người nghe đều biết.
15. Bạn nói về âm nhạc nói chung.
16. Bạn nói về cây đàn guitar nói chung (nhạc cụ).
17. Bạn nói về một quyết định quan trọng trong cuộc đời bạn.
18. Bạn nói về quyết định đó (đã xác định).
19. Bạn kể về một nhà hàng mới (lần đầu nhắc).
20. Bạn quay lại nhà hàng đó và nhận xét cụ thể.

### Đáp án

1. I found a new café near my house.
2. The café is really cozy and beautiful.
3. The sun rises in the east every day.

4. I bought a dress, and it is very beautiful.
5. Sai: Could you pass me the table? → Đúng: Could you pass me the book on the table?
6. Cats are very independent animals.
7. I watched a movie last night.
8. The movie was surprisingly interesting.
9. I want to visit the Eiffel Tower someday. (địa điểm xác định, nổi tiếng)
10. Water is essential for life.
11. I met a friend at the mall yesterday.
12. The friend works as a designer.
13. I borrowed a book from the library.
14. The book is about psychology.
15. I love listening to music.
16. She can play the guitar very well.
17. I made a decision that changed my life.
18. The decision helped me grow stronger.
19. We tried a new restaurant last weekend.
20. The restaurant serves amazing seafood.